

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6020**/UBND-KTTH
V/v báo cáo kết quả thực hiện
hỗ trợ người dân gặp khó khăn
do đại dịch Covid-19 năm
2020 theo Nghị quyết số
42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của
Chính phủ

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Kinh phí phê duyệt: 264.878,15 triệu đồng (chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo), từ các nguồn sau:

- Dự phòng chi ngân sách địa phương năm 2020: 66.451,5 triệu đồng.
- Quỹ dự trữ tài chính địa phương: 53.392 triệu đồng.
- Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2020: 68.794,65 triệu đồng.
- Nguồn Trung ương hỗ trợ tại Công văn số 10557/BTC-NSNN ngày 01/9/2020: 75.773 triệu đồng
- Nguồn công ty sở xở kiến thiết (hỗ trợ đối tượng bán vé số): 467 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện hỗ trợ: 261.994 triệu đồng (chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

3. Kiến nghị

Hiện nay, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh còn diễn biến phức tạp; mặt khác nguồn cải cách tiền lương của địa phương cũng đang được sử dụng để chi hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ, nên nguồn cải cách tiền lương của địa phương không đảm bảo để thực hiện. Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ cho ngân sách địa phương khoản kinh phí mà ngân sách Trung ương hỗ trợ 30% theo chính sách là 2.825,2 triệu đồng (261.994 triệu đồng x 30% - 75.773 triệu đồng) và bổ sung nguồn cải cách tiền lương đã chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2020 là 68.794,65 triệu đồng.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài chính quan tâm, hỗ trợ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Y tế;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH T22.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 01

Tổng hợp kinh phí đã trình hồ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (36 đợt) năm 2020

(Kèm theo Công văn số 6020/UBND-KT ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Đơn vị	Người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hàng tháng		Đối tượng lao động xã hội đang hưởng trợ cấp tại chỗ chăm sóc tại cộng đồng		Hệ nghèo, hộ cận nghèo		Hộ kinh doanh các khai thuế thu nhập dưới 100 tr/d/năm		Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm		Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp		Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương		Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Kinh phí	Đối tượng (người)	Kinh phí	Đối tượng (người)	Kinh phí	Đối tượng (hộ)	Kinh phí	Đối tượng (hộ)	Kinh phí	Đối tượng (hộ)	Kinh phí	Đối tượng (hộ)	Kinh phí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	TP Quảng Ngãi	4.389	6.581,8	13.612	20.372,5	7.910	5.931,50			4.988	4.988,00	57	57,0	13	30,6	37.961,35	
2	Huyện Bình Sơn	4.781	7.160,50	9.238	13.857,00	11.989	8.991,50			475	475,0	4	4,00	26	46,8	30.534,80	
3	Huyện Tư Nghĩa	2.123	3.177,75	7.777	11.639,00	6.727	5.044,25	76	76	2.580	2.580	2	2,00			22.519,00	
4	Huyện Sơn Tịnh	3.700	5.539,3	5.050	7.556,50	3.029	2.271,75	10	10,00	40	40,00	2	2,00			15.419,50	
5	Thị xã Đức Phổ	4.648	6.960,5	6.856	10.259,00	10.812	8.109,00	27	27	81	81,00					25.436,50	
6	Huyện Mộ Đức	4.157	6.222,50	8.900	13.327,50	13.065	9.798,75	50	50	507	507,00	1	1,00			29.906,75	
7	Huyện Nghĩa Hành	1.678	2.512,50	5.716	8.546,00	11.482	8.609,00					2	2,00			19.669,50	
8	Huyện Ba Tơ	1.550	2.321,25	1.082	1.622,50	19.308	14.481,00			136	136,00					18.560,75	
9	Huyện Trà Bồng	834	1.249,50	2.257	3.383,50	33.037	24.777,75									29.410,75	
10	Huyện Minh Long	422	631,5	464	694,00	2.936	2.201,75			8	8,0					3.535,25	
11	Huyện Sơn Hà	1.712	2.564,0	1.949	2.914,00	19.834	14.875,50	7	7,00	252	252,00	15	15,00			20.627,50	
12	Huyện Sơn Tây	827	1.240,00	370	555,00	9.527	7.145,25	14	14,00	5	5,0	1	1,00			8.960,25	
13	Huyện Lý Sơn	55	81,75	884	1.326,00	754	565,50	6	6,00	357	357,00					2.336,25	
	TỔNG CỘNG	30.876	46.242,75	64.155	96.052,50	150.410	112.802,50	190	190,00	9.429,00	9.429,00	84,00	84,00	39,00	77,40	264.878,15	

ĐVT: triệu đồng

TỜNG HỢP KINH PHÍ HỘ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kính theo Công văn số **1020**/UBND-KT ngày **10/11/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tỉnh, thành phố	Tổng nhu cầu kinh phí NSNN (trđ)	Bao gồm:			Kinh phí đã thực chi qua KBNN theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (trđ)	Bao gồm:	
			Đối tượng (người)	Kinh phí NSNN (trđ)			Đối tượng (người)	Kinh phí NSNN (trđ)
A	B	1	2	3	4	5	6	
	TỔNG SỐ	264.878	255.143	264.878	261.994	251.804	261.994	
I	Kinh phí NSNN hỗ trợ người dân gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020; số 154/NQ-CP ngày 19/10/20/20 của Chính phủ <i>(lấy kê từ thực hiện chính sách đến thời điểm báo cáo)</i>	264.878	255.143	264.878	261.994	251.804	261.994	
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng	46.243	30.876	46.243	46.046	30.773	46.046	
2	Hỗ trợ đối tượng BTXH hưởng trợ cấp hàng tháng	96.053	64.115	96.053	95.114	63.502	95.114	
3	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	112.803	150.410	112.803	111.100	147.833	111.100	
4	Hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm	190	190	190	190	190	190	
5	Hỗ trợ đối tượng hoàn hợp đồng, nghỉ không lương tại DN	77	39	77	77	39	77	
6	Hỗ trợ người lao động bị chấp dứt hợp đồng (không hưởng trợ cấp thất nghiệp), người lao động tự do	9.513	9.513	9.513	9.467	9.467	9.467	

Đơn vị: triệu đồng